

CV ĐẾN	Số:.....116.....
	Ngày: 03/01/18.....
	Chuyên:.....

BÁO CÁO

Sơ kết 01 năm thực hiện Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện chủ trương tinh giản biên chế

Thực hiện Công văn số 5882/BNV-TCBC ngày 09/11/2017 của Bộ Nội vụ về việc sơ kết 01 năm thực hiện Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng, UBND tỉnh báo cáo như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Về việc ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, Quyết định số 2218/QĐ-TTg, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Chỉ thị số 02/CT-TTg tại Bộ, ngành, địa phương; công tác phổ biến, tuyên truyền về chủ trương tinh giản biên chế

Ngay từ khi Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế có hiệu lực (ngày 10/01/2015), UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Công văn số 502/UBND-NC ngày 03/02/2015 để chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chính sách tinh giản biên chế của Chính phủ và tổng hợp, xây dựng, phê duyệt đề án tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị, địa phương, trình Bộ Nội vụ thẩm tra để giải quyết chế độ, chính sách cho người lao động.

Thực hiện Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện chủ trương tinh giản biên chế; UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 4939/UBND-NC ngày 06/7/2017 chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chủ trương tinh giản biên chế của Chính phủ.

2. Về công tác phổ biến tuyên truyền về chủ trương tinh giản biên chế

Công tác phổ biến tuyên truyền về chủ trương tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh luôn được các cấp ủy đảng, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, địa phương quan tâm thực hiện. Việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế được thực hiện trên cơ sở rà soát, sắp xếp lại tổ chức và thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng không xác định thời hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; đảm bảo tập trung dân chủ, khách

quan, công khai, minh bạch, đúng trình tự, thủ tục, đối tượng, giải quyết đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động.

3. Về xây dựng Đề án, Kế hoạch tinh giản biên chế

Thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai thực hiện phê duyệt đề án tinh giản biên chế cho các sở, ngành, địa phương. Tính đến tháng 7 năm 2017, Chủ tịch UBND tỉnh đã phê duyệt đề án tinh giản biên chế đối với 32 cơ quan, đơn vị, địa phương để giải quyết chế độ, chính sách đối với 1.152 đối tượng, cụ thể:

- Khối hành chính: 85 người, đạt tỷ lệ 3,5% (so với biên chế giao năm 2015);

- Khối sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách Nhà nước: 965 người, đạt tỷ lệ 3,9% (so với biên chế giao năm 2015);

- Khối sự nghiệp không hưởng lương từ ngân sách Nhà nước: 08 người;

- Cán bộ, công chức cấp xã: 90 người;

- Hợp đồng lao động theo Nghị định 68: 04 người.

Để tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chủ trương tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh theo Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch tinh giản biên chế khối Nhà nước của tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2018 – 2021 kèm theo Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 22/8/2017.

Tổng số tinh giản biên chế giai đoạn 2018 – 2021 là 1.700 biên chế (hành chính 159 biên chế, tỷ lệ 6,5% so với biên chế giao năm 2015; sự nghiệp hưởng lương từ NSNN 1.541 biên chế, tỷ lệ 6,1% so với biên chế giao năm 2015) đảm bảo tỷ lệ tinh giản biên chế giai đoạn 2015 – 2021 của tỉnh đạt tối thiểu bằng 10% biên chế được giao năm 2015; trong đó:

- Năm 2018 là 428 biên chế, cụ thể:

+ Hành chính: 37 biên chế, tỷ lệ 1,5%;

+ Sự nghiệp hưởng lương từ NSNN: 391 biên chế, tỷ lệ 1,6%;

- Năm 2019 là 404 biên chế, cụ thể:

+ Hành chính: 37 biên chế, tỷ lệ 1,5 %;

+ Sự nghiệp hưởng lương từ NSNN: 367 biên chế, tỷ lệ 1,5%;

- Năm 2020 là 420 biên chế, cụ thể:

+ Hành chính: 39 biên chế, tỷ lệ 1,6%;

+ Sự nghiệp hưởng lương từ NSNN: 381 biên chế, tỷ lệ 1,5%;

- Năm 2021 là 448 biên chế, cụ thể:

+ Hành chính: 46 biên chế, tỷ lệ 1,9%;

+ Sự nghiệp hưởng lương từ NSNN: 402 biên chế, tỷ lệ 1,6%.

4. Về rà soát chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy

4.1. Về rà soát chức năng, nhiệm vụ:

Chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc luôn được rà soát, kiện toàn theo quy định của Trung ương và tình hình thực tế địa phương. Thời gian qua, UBND tỉnh đã đẩy mạnh việc phân cấp, ủy quyền trên một số lĩnh vực quản lý nhà nước cho các sở, ngành, địa phương theo nguyên tắc cấp nào quản lý có hiệu quả hơn thì giao cho cấp đó, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị chủ động trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền được phân cấp; tạo sự chủ động trong chỉ đạo, quản lý, điều hành, tăng cường trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan trong công tác quản lý, từng bước khắc phục việc trông chờ, ỷ lại vào sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp trên; giảm bớt một số quy trình, thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết công việc tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và công dân đến quan hệ giải quyết công việc, cụ thể:

- Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, phân cấp, ủy quyền một số nội dung trên các lĩnh vực: Quản lý đầu tư xây dựng; cấp phép xây dựng; quản lý chất lượng công trình xây dựng; quản lý ngân sách, tài chính, tài sản nhà nước; đất đai, tài nguyên, khoáng sản; tổ chức bộ máy; bổ nhiệm, tuyển dụng viên chức, quản lý công chức, viên chức.

- Đối với UBND cấp huyện, phân cấp một số lĩnh vực: Tuyển dụng viên chức, công chức cấp xã, quản lý cán bộ, công chức, viên chức; phân bổ kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý đô thị, quản lý, khai thác công trình thủy lợi, giao thông, khoáng sản, thủy sản, đất đai, nhà ở.

- Đối với UBND cấp xã, phân cấp một lĩnh vực: Tư pháp (chứng thực, hộ tịch); xây dựng cơ bản; làm chủ đầu tư các công trình xây dựng, các dự án phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách kết hợp với các nguồn vốn do nhân dân đóng góp.

4.2. Về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy:

Số liệu về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm tháng 4/2015 (thời điểm ban hành Nghị quyết số 39-NQ/TW), tháng 01/2017 (thời điểm ban hành Chỉ thị số 02/CT-TTg) và thời điểm tháng 12/2017:

a) Thời điểm tháng 4/2015:

- Tổng hợp số lượng cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện:

+ Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh: 19 cơ quan.

+ Cơ quan chuyên môn cấp huyện: 172 cơ quan.

- Số lượng tổ chức thuộc cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh (số lượng phòng và tương đương, chi cục...): 149 tổ chức.

- Số lượng Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế và tổng số tổ chức thuộc các cơ cấu tổ chức bên trong:

+ Số lượng Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế: 02 cơ quan.

+ Tổng số tổ chức thuộc các cơ cấu tổ chức bên trong: 16 tổ chức.

- Báo cáo số lượng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương, chia ra: (1) Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (2) thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (3) thuộc các Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và các tổ chức hành chính nhà nước khác; (4) thuộc chi cục và tương đương; (5) thuộc ủy ban nhân dân cấp huyện.

(1) Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh: 04 đơn vị.

(2) Số ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh: 121 đơn vị.

(3) Số ĐVSNCL thuộc các Ban Quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp: 08 đơn vị.

(4) Số ĐVSNCL thuộc chi cục và tương đương: 15 đơn vị.

(5) Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện: 705 đơn vị.

b) Thời điểm tháng 01/2017:

- Tổng hợp số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện:

+ Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh: 19 cơ quan.

+ Cơ quan chuyên môn cấp huyện: 172 cơ quan.

- Số tổ chức thuộc cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh (số lượng phòng và tương đương, chi cục...): 150 tổ chức.

- Số lượng Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế và tổng số tổ chức thuộc các cơ cấu tổ chức bên trong:

+ Số lượng Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế: 01 cơ quan.

+ Tổng số tổ chức thuộc các cơ cấu tổ chức bên trong: 07 tổ chức.

- Báo cáo số lượng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương, chia ra: (1) Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (2) thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (3) thuộc các Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và các tổ chức hành chính nhà nước khác; (4) thuộc chi cục và tương đương; (5) thuộc ủy ban nhân dân cấp huyện.

(1) Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh: 07 đơn vị.

(2) Số ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh: 126 đơn vị.

(3) Số ĐVSNCL thuộc các Ban quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp: 08 đơn vị.

(4) Số ĐVSNCL thuộc chi cục và tương đương: 15 đơn vị.

(5) Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện: 685 đơn vị.

c) Thời điểm tháng 12/2017:

- Tổng hợp số lượng cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện:

+ Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh: 19 cơ quan.

+ Cơ quan chuyên môn cấp huyện: 172 cơ quan.

- Số tổ chức thuộc cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh (số lượng phòng và tương đương, chi cục...): 151 tổ chức.

- Số Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế và tổng số tổ chức thuộc các cơ cấu tổ chức bên trong:

+ Số lượng Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế: 01 cơ quan.

+ Tổng số tổ chức thuộc các cơ cấu tổ chức bên trong: 07 tổ chức.

- Báo cáo số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương, chia ra: (1) Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (2) thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (3) thuộc các Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và các tổ chức hành chính nhà nước khác; (4) thuộc chi cục và tương đương; (5) thuộc ủy ban nhân dân cấp huyện.

(1) Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh: 07 đơn vị.

(2) Số ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh: 115 đơn vị.

(3) Số ĐVSNCL thuộc các Ban quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp: 05 đơn vị.

(4) Số ĐVSNCL thuộc chi cục và tương đương: 15 đơn vị.

(5) Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện: 692 đơn vị.

- Báo cáo kết quả sắp xếp lại mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn; sắp xếp lại mạng lưới các trường, lớp; sắp xếp lại mạng lưới các đơn vị sự nghiệp y tế trên địa bàn.

Thực hiện chủ trương của đảng, nhà nước về “Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công”; ngay từ đầu năm 2016, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai việc rà soát, sắp xếp tổ chức, biên chế, tài chính các đơn vị SNCL. Đến ngày 28/6/2017, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 449/QĐ-UBND phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017-2025. Kết quả về sắp xếp tổ chức giảm được 19 đơn vị, cụ thể:

(1) Lĩnh vực giáo dục, đào tạo: Thực hiện rà soát, sắp xếp lại trường, điểm trường, điều chỉnh số học sinh/lớp và quy mô lớp học một cách hợp lý để nâng cao chất lượng giáo dục một cách toàn diện. Việc sắp xếp lại các điểm trường lẻ nhằm tập trung đầu tư, tạo điều kiện cho học sinh ở các thôn,

bản được thụ hưởng đầy đủ chương trình, chế độ chính sách, cơ sở vật chất, thiết bị như điểm trường chính, phát huy hiệu quả sử dụng nguồn lực.

(2) Lĩnh vực dạy nghề và giới thiệu việc làm (giảm 05 đơn vị):

Sáp nhập Trường Trung cấp nghề Đức Phổ, trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Trung tâm đào tạo nghề kỹ thuật cao Dung Quất, trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp tỉnh vào Trường Trung cấp nghề Quảng Ngãi, trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Hợp nhất Trung tâm dạy nghề Phụ nữ, thuộc Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh vào Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân, thuộc Hội nông dân tỉnh thành Trung tâm Hỗ trợ, dịch vụ và Đào tạo nghề Nông dân – Phụ nữ tỉnh Quảng Ngãi, thuộc Hội nông dân tỉnh.

Đến năm 2020, tiếp tục thực hiện đánh giá, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực này, trong đó sẽ tiến hành hợp nhất hoặc giải thể các đơn vị đào tạo nghề hoạt động kém hiệu quả để tiến đến chỉ còn 01 đầu mỗi đào tạo nghề công lập trên địa bàn tỉnh (*gồm Trường cao đẳng nghề Việt Nam – Hàn Quốc – Quảng Ngãi, Trường trung cấp nghề Quảng Ngãi và Trung tâm Hỗ trợ, dịch vụ và Đào tạo nghề Nông dân – Phụ nữ tỉnh*).

(3) Sự nghiệp y tế (giảm 09 đơn vị):

Hợp nhất Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, Trung tâm Phòng chống sốt rét tỉnh và Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS tỉnh thành Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, trực thuộc Sở Y tế.

Sáp nhập Bệnh viện đa khoa Dung Quất, Bệnh viện Đa khoa huyện Sơn Tịnh và Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ngãi vào Bệnh viện đa khoa tỉnh. (*thành các cơ sở trực thuộc*).

Hợp nhất Trung tâm Y tế dự phòng huyện Bình Sơn và Bệnh viện Đa khoa huyện Bình Sơn thành Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn, trực thuộc Sở Y tế.

Hợp nhất Trung tâm Y tế dự phòng huyện Mộ Đức và Bệnh viện Đa khoa huyện Mộ Đức thành Trung tâm Y tế huyện Mộ Đức, trực thuộc Sở Y tế.

Hợp nhất Trung tâm Y tế dự phòng huyện Tư Nghĩa và Bệnh viện Đa khoa huyện Tư Nghĩa thành Trung tâm Y tế huyện Tư Nghĩa, trực thuộc Sở Y tế.

Hợp nhất Trung tâm Y tế dự phòng huyện Nghĩa Hành và Bệnh viện Đa khoa huyện Nghĩa Hành thành Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Hành, trực thuộc Sở Y tế.

(4) Sự nghiệp Văn hóa (giảm 01 đơn vị):

Hợp nhất 02 đơn vị: Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng thành Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh Quảng Ngãi, trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (*riêng 07 Đội chiếu bóng tại 06 huyện miền*

núi và Lý Sơn thuộc Trung tâm chuyên giao nguyên trạng về Đài Phát thanh – Phát lại truyền hình của 06 huyện miền núi và Đài truyền thanh huyện Lý Sơn quản lý).

(5) Sự nghiệp khác (giảm 04 đơn vị):

Hợp nhất Trung tâm Bảo trợ Xã hội và Trung tâm Giáo dục Lao động xã hội thành Trung tâm Công tác xã hội, thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Hợp nhất Ban Quản lý Rừng phòng hộ môi trường, cảnh quan Dung Quất và Trung tâm Hỗ trợ kỹ thuật Nông - Lâm nghiệp Dung Quất thành Trung tâm kỹ thuật Nông - Lâm nghiệp Dung Quất, thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp tỉnh.

Giải thể Ban Quản lý phát triển đô thị Dung Quất. Theo đó, chuyển nhiệm vụ quản lý đầu tư phát triển đô thị Dung Quất, các dịch vụ sự nghiệp công về các phòng, đơn vị chức năng có liên quan thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp tỉnh cho phù hợp.

Giải thể Nhà khách UBND tỉnh trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh.

5. Về thực hiện tinh giản biên chế:

5.1. Kết quả thực hiện tinh giản biên chế trong từng năm 2015, 2016, 2017:

Thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế có hiệu lực (ngày 10 tháng 01 năm 2015), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 502/UBND-NC ngày 03 tháng 02 năm 2015, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chính sách tinh giản biên chế của Chính phủ và tổng hợp, xây dựng đề án tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị, địa phương, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt.

Từ năm 2015 đến 2017, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt đề án tinh giản biên chế, tổng hợp trình Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính thẩm tra đối tượng đối với 1.162 đối tượng, cụ thể:

Số tỉnh giảm Năm	Số tinh giản của Khối Hành chính (cấp tỉnh, huyện)	Số tinh giản của Khối sự nghiệp hưởng lương từ NSNN	Số tinh giản của Khối sự nghiệp không hưởng lương từ NSNN	Số tinh giản Hợp đồng 68	Số tinh giản CB, CC cấp xã
Năm 2015	36	335	5	1	51
Năm 2016	24	213	3	0	25

Năm 2017	24	424	0	3	18
----------	----	-----	---	---	----

5.2. Số lượng người nghỉ hưu, thôi việc trong từng năm 2015, 2016, 2017.

Từ năm 2015 đến 2017, tổng số lượng công chức, viên chức nghỉ hưu đúng tuổi, thôi việc ngay là 1.096 người, cụ thể:

- Năm 2015 có 383 viên chức sự nghiệp.
- Năm 2016 có 397 viên chức sự nghiệp.
- Năm 2017 có 316 cán bộ, công chức, viên chức (cán bộ, công chức 25 người, viên chức 291 người).

5.3. Số biên chế công chức, số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập (biên chế sự nghiệp) trong từng năm 2015, 2016, 2017.

- Năm 2015:

- + Biên chế công chức: 2.453 biên chế.
- + Biên chế sự nghiệp: 25.305 biên chế.

- Năm 2016:

- + Biên chế công chức: 2.411 biên chế.
- + Biên chế sự nghiệp: 25.305 biên chế.

- Năm 2017:

- + Biên chế công chức: 2.374 biên chế.
- + Biên chế sự nghiệp: 24.398 biên chế.

5.4. Số biên chế công chức, số người làm việc năm 2017 giảm 986 người so với năm 2015, tương ứng với tỷ lệ 3,55%. Cụ thể:

- Số biên chế công chức năm 2017 giảm 79 biên chế so với năm 2015; tương ứng với tỷ lệ 3,2% biên chế năm 2015.

- Số lượng người làm việc năm 2017 giảm 907 so với năm 2015; tương ứng với tỷ lệ 3,58% số lượng người làm việc năm 2015.

6. Về thực hiện xã hội hóa và cơ chế tự chủ các đơn vị sự nghiệp công lập

Đến nay, hầu hết các đơn vị sự nghiệp đều được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí theo quy định của Chính phủ. Qua thời gian triển khai thực hiện đã đem lại hiệu quả tích cực, nâng cao tính công khai, minh bạch trong quản lý, điều hành sử dụng biên chế và kinh phí ở các cơ quan, đơn vị. Viên chức, người lao động đều tham gia gián tiếp hoặc trực tiếp quản lý, điều hành nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của đơn vị mình thông qua việc tham gia xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ; theo dõi, giám sát việc điều hành kinh phí hoạt động của đơn vị. Qua đó, đã tạo động lực để nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc, xây dựng ý thức tiết kiệm về kinh phí hoạt động trong mỗi viên chức và người lao động. Hầu hết các đơn

vị sự nghiệp hàng năm đều tiết kiệm được kinh phí để hỗ trợ nhằm nâng cao đời sống cho đội ngũ viên chức và người lao động.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Ban hành văn bản hướng dẫn số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập trên các lĩnh vực.

2. Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/4/2015 và thay thế Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006; theo đó tại Khoản 1 Điều 22, Chính phủ giao các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng và trình Chính phủ sửa đổi, ban hành Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công trong từng lĩnh vực; Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ và các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, tuy nhiên đến nay các Bộ vẫn chưa có văn bản hướng dẫn thi hành nên ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện tại các địa phương.

2. Rà soát, đề xuất điều chỉnh khung học phí đối với giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp theo lộ trình quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Rà soát, đối chiếu hệ thống văn bản chính sách, quy định về cơ chế tự chủ các đơn vị sự nghiệp công lập và pháp luật hiện hành liên quan (Luật Viên chức, Luật Đất đai, Luật quản lý sử dụng tài sản nhà nước...), xác định những điểm còn chưa phù hợp, thống nhất, đề xuất giải pháp xử lý, khắc phục.

4. Rà soát, ban hành văn bản hướng dẫn thống nhất về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ngành phù hợp với quy hoạch chung; Ban hành văn bản hướng dẫn phân loại, xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện để triển khai thực hiện hiệu quả cơ chế tự chủ về tài chính, tổ chức bộ máy các đơn vị.

5. Phân cấp cho địa phương được quyền phê duyệt số lượng người làm việc trong đơn vị SNCL theo định mức hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương đối với các địa phương tự cân đối ngân sách để tạo tính chủ động trong thực hiện nhiệm vụ của địa phương (theo quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương: "HĐND cấp tỉnh phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong đơn vị SNCL thuộc phạm vi quản lý của tỉnh").

6. Tách thẩm quyền thẩm định, phê duyệt số lượng người làm việc đối với phân trả lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị; giao địa phương quyết định số lượng người làm việc từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp tự chủ một phần (tương tự như đơn vị được giao quyền tự chủ) (theo chỉ đạo

của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015: “Đối với SNCL có nguồn thu khuyến khích đẩy mạnh chuyển đổi thêm 10% số lượng viên chức sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và xã hội hóa, thay thế việc trả lương từ ngân sách nhà nước bằng việc trả lương từ nguồn thu sự nghiệp”).

7. Hướng dẫn các đơn vị SNCL về việc thành lập, hoạt động của Hội đồng quản lý theo quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BNV ngày 25/5/2016 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thành lập và hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị SNCL.

Kính báo cáo Bộ Nội vụ theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Vụ Tổ chức Biên chế (Bộ Nội vụ);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Văn hóa Thể thao và Du lịch;
- VPUB: CVP, PCVP(NC), CBTH;
- Lưu: VT, NC.



Trần Ngọc Căng